

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt siêu ngắn- [Ngữ văn 10](#)

I. Sử dụng đúng theo các chuẩn mực của Tiếng Việt.

1. Về ngữ âm và chữ viết.

a.

giặc > giặt (sai phụ âm cuối).

đáo > ráo (sai phụ âm đầu).

lẽ → lẻ (sai thanh điệu).

b.

- Những từ địa phương: Dưng mờ, giò, bầu, mờ.

- Những từ toàn dân tương ứng: Nhưng mà, trời, bảo, mà.

2. Về từ ngữ

a. Chót lọt → chót: Sai về cấu tạo.

- Truyền tụng → truyền đạt hay truyền thụ: Sai về cấu tạo.

- Sai về cách kết hợp từ: Chữa là “Số người mắc các bệnh truyền nhiễm và chết bởi các bệnh truyền nhiễm đã giảm dần”.

- Sai về cách kết hợp từ: Chữa là “Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt được điều trị tích cực bằng những thứ thuốc tra mắt đặc biệt mà khoa Dược đã pha chế”.

b.

Những câu dùng đúng: 2, 3, 4.

- Câu 1: yếu điểm → điểm yếu.

- Câu 5: linh động → sinh động.

3. Về ngữ pháp

a.

a1) Sai vì thiếu CN.

Sửa: Bỏ từ “qua”, bỏ từ “của” thay bằng dấu phẩy.

a2) Sai vì cả câu là một cụm danh từ, chưa đủ thành phần chính.

Sửa: Thêm CN “Đó là...” hoặc thêm VN “đã được thể hiện trong tác phẩm”.

b. 3 câu sau đều đúng.

Câu đầu sai vì không phân định rõ thành phần phụ với CN.

c. Sai vì thiếu sự logic giữa các câu.

Sửa: 1- 3 – 2 – 4 – 5 – 6 -7

4. Về phong cách ngôn ngữ.

a. Từ “hoàng hôn” chỉ dùng trong phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, không dùng trong biên bản hành chính.

⇒ Sửa: hoàng hôn → Buổi chiều.

- Từ “hết sức” là chỉ dùng trong ngôn ngữ nói. Đây là văn bản nghị luận nên thay bằng “rất” hoặc “vô cùng”.

b.

- Các từ xưng hô: bầm, cụ, con.

- Thành ngữ: trời tru đất diệt, một thước cấm dùi không có.

- Các từ mang sắc thái khẩu ngữ: sinh ra, có dám nói gian, quả, về làng về nước, chả làm gì nên ăn...

⇒ Các từ ngữ trên không thể dùng trong 1 lá đơn đề nghị. Vì đơn đề nghị là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính. Vì vậy dùng từ và diễn đạt phải khác lời nói

II. Sử dụng hay, đạt hiệu quả giao tiếp cao.

Câu 1 (trang 67 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

“Đứng” và “quỳ” dùng theo nghĩa chuyển.

- Biểu hiện nhân cách, phẩm giá: “Chết đứng” là chết hiên ngang, “sống quỳ” là khụy lụy, hèn nhát.

⇒ Sử dụng từ “đứng”, “quỳ” mang tính hình tượng và biểu cảm cao.

Câu 2 (trang 67 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

Chiếc nôi xanh và cái máy điều hòa khí hậu đều chỉ cây cối nhưng mang tính hình tượng và biểu cảm cao hơn.

- Chúng đều là những vật mang lại lợi ích cho con người

- Dùng chúng để biểu thị cây cối vừa có tính cụ thể, vừa tạo xúc cảm thẩm mỹ.

Câu 3 (trang 67 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

Sử dụng phép đối, điệp đồng thời nhịp điệu dứt khoát, khỏe khoắn ⇒ tạo cho lời kêu gọi âm hưởng hùng hồn, tác động mạnh mẽ đến người nghe, người đọc.

III. Luyện tập

Câu 1 (trang 68 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

Những lựa chọn đúng: bàng hoàng, uống rượu, chất phác, trau chuốt, bàng quan,

nồng nàn, lãng mạn, đẹp đẽ, hưu trí, chặt chẽ.

Câu 2 (trang 68 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

Phân tích tính chính xác và biểu cảm của từ:

+ Từ “lốp”: phân biệt người theo tuổi tác, thể hệ, không có nét nghĩa xấu cho nên phù hợp trong câu văn này. Từ hạng phân biệt người theo phẩm chất tốt – xấu, mang nghĩa xấu nên không phù hợp.

+ Từ “phải” mang nét nghĩa bắt buộc, cường bức nặng nề, không phù hợp với sắc thái nhẹ nhàng, vinh hạnh của việc đi gặp “các vị cách mạng đàn anh”, còn từ sẽ có nét nhẹ nhàng, phù hợp hơn.

Câu 3 (trang 68 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

- Lỗi sai:

+ Ý nghĩa câu đầu nói về tình yêu nam nữ, những câu sau nói về tình cảm khác.

⇒ không nhất quán.

+ Quan hệ thay thế của đại từ họ ở câu 2 và 3 không rõ ràng.

+ Một số từ ngữ diễn đạt chưa rõ ràng.

- Sửa lại: “Trong ca dao Việt Nam những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều nhất, nhưng còn có những bài thể hiện tình cảm khác. Những con người trong ca dao yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau sinh sống, yêu nơi chôn rau cắt rốn. Họ yêu người làng...đằm thắm và sâu sắc”.

Câu 4 (trang 68 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

- Câu văn có tính hình tượng cụ thể và tính biểu cảm cao hơn: Chị Sứ rất yêu cái chôn này, nơi chị đã sinh ra, nơi chị đã lớn lên là nhờ:

+ Dùng quán ngữ tình thái: biết bao nhiêu.

+ Dùng từ miêu tả âm thanh và hình ảnh: oa oa cất tiếng khóc đầu tiên.

+ Dùng hình ảnh ẩn dụ: quả ngọt trái sai đã thắm nồng da dẻ chị.

⇒ Câu văn vừa chuẩn mực, vừa có tính nghệ thuật.

Câu 5 (trang 68 sgk Ngữ văn 10 Tập 2):

chữa bài làm văn số 4.

Mời các bạn xem tiếp tài liệu tại: <https://vndoc.com/luyen-thi-vao-lop-10>